

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DSST

Ngày: 14/12/2020

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

-Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Phan Thanh Sơn

2/. Ông Hồ Quốc Trung

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền, cán bộ Tòa án nhân dân quận M.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2020/TLST-DS ngày 11/11/2020 về vụ kiện: “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/ QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Lê Kiều T**, sinh năm 1980

Trú tại khu vực TB, phường TL, quận M, thành phố Cần Thơ.

-Bi đơn:

1/. Bà **Nguyễn Thị Diệu H**, sinh năm: 1966

2/. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1966

Trú tại khu vực TB, phường TL, quận M, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Kiều T trình bày:

Nguyên vào năm 2015, do quen biết, nên vợ chồng bà Nguyễn Thị Diệu H, Nguyễn Văn C mời bà tham gia nhiều chân hui do vợ chồng bà H làm chủ hui. Đến đầu năm 2017, bà kêu hốt hui để giải quyết khó khăn trong gia đình nhưng không hốt được do bà H ngưng mở hui vì bà H cho rằng tay em không đóng hui chết nên không có tiền để khai hui. Quá bức xúc, bà tìm đến nhà bà H thì được biết gia đình bà H đã tẩu tán hết tài sản và còn chiếm đoạt số tiền lớn của nhiều người không trả.

Bà đã có đơn tố cáo hành vi lừa đảo của vợ chồng bà H gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận M để xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật.

Trong quá trình điều tra, vợ chồng bà H thừa nhận nợ tiền hội của bà nhưng không chịu trả do chưa có điều kiện để thanh toán.

Nhận thấy quyền lợi hợp pháp của bà đang bị xâm phạm nghiêm trọng, nên bà yêu cầu Tòa án xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà buộc vợ chồng ông C, bà H trả cho bà số tiền nợ hội là 174.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Phần trình bày của bị đơn - bà Nguyễn Thị Diệu H:

Vào năm 2015 bà có làm chủ hội, bà Lê Kiều T là người cùng xóm có tham gia chơi hội do bà làm chủ. Vào năm 2017 không hiểu vì sao hội viên đồng bà bề hội nên các hội viên đồng loạt yêu cầu hốt hội (kêu cao hơn số tiền chơi hội) nên các người có hội chết không đóng hội cho nên không có tiền giao hội cho bà T. Hiện tại bà còn nợ tiền hội bà T số tiền tổng cộng là 174.000.000 đồng. Nay vì hoàn cảnh khó khăn không khả năng trả cho bà T số tiền này, khi nào bà thu được tiền hội chết của các hội viên bà sẽ trả cho bà T.

Phần trình bày của bị đơn - ông Nguyễn Văn C: Thống nhất lời trình bày của bà H, không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên hòa giải, các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay:

-Nguyên đơn trình bày, phía bị đơn có trả được một phần thì ngưng, hiện còn nợ tiền hội là 166.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hội 166.000.000 đồng.

-Phía bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà T số tiền hội là 166.000.000 đồng. Nay vì hoàn cảnh khó khăn, hiện tại không có khả năng trả, khi nào bị đơn thu được tiền hội chết của các hội viên khác sẽ trả cho nguyên đơn.

-Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu của bị đơn đã trình bày về cách trả nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã được thẩm tra thấy rằng, tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp dân sự hợp đồng góp hội”. Quan hệ tranh chấp này được Luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà Lê Kiều T đòi bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn C trả 166.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản tự khai của đương sự và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn bà H và ông C thừa nhận không phản đối, nên được xem là tính tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố

tụng dân sự. Như vậy, việc bị đơn bà H và ông C còn nợ số tiền 166.000.000 đồng của nguyên đơn là có thật. Tuy nhiên, phía bị đơn bà H và ông C cho rằng do hòa cảnh khó khăn không có khả năng trả, nên yêu cầu khi nào thu được tiền hui chết của các hui viên khác sẽ trả cho nguyên đơn. Nhận thấy, yêu cầu của bà H và ông C không được phía bà T chấp nhận, nên không có cơ sở xem xét. Do đó, việc bà T đòi lại số tiền mà bà H và ông C thừa nhận còn nợ là có căn cứ, nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở chấp nhận và cần buộc các bị đơn bà H và ông C có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn bà T là phù hợp.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn bà T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên bị đơn bà H và ông C phải chịu án phí. Bà T được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

-Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

-Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kiều T.

Buộc bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn C trả cho bà Lê Kiều T số tiền 166.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng*).

2/. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Bị đơn bà H và ông C phải chịu 8.300.000 đồng (*Tám triệu, ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

-Nguyên đơn bà T được nhận lại số tiền 4.350.000 đồng (*Bốn triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 011314 ngày 30/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M, thành phố Cần Thơ.

4/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- TAND.TP/CT;
- VKSND Q. M;
- Chi cục THADS Q. M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Hùng

HÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Sơn

Hồ Quốc Trung Nguyễn Phi Hùng